

Số: 181 /BC-UBND

Bình Phước, ngày 15 tháng 6 năm 2023

## **BÁO CÁO**

**Giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021 kéo dài sang năm 2022 nguồn NSDP;  
giải ngân chính thức kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 và kết quả giải ngân  
vốn đầu tư công 5 tháng, ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2023**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh.

Trên cơ sở số liệu giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công của Kho bạc nhà nước tỉnh và báo cáo của Sở Kế hoạch và Đầu tư; UBND tỉnh báo cáo giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021 kéo dài sang năm 2022 nguồn ngân sách địa phương; giải ngân chính thức kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 và kết quả giải ngân vốn đầu tư công 5 tháng, ước thực hiện giải ngân 6 tháng đầu năm 2023, như sau:

### **I. Giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021 kéo dài sang năm 2022 nguồn NSDP**

1. Tổng kế hoạch vốn năm 2021 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2022 nguồn NSDP là 190 tỷ 051 triệu đồng. Thực hiện giải ngân đến ngày 31/12/2022 là 101 tỷ 036 triệu đồng, đạt 53,16% so với kế hoạch giao, trong đó:

- Vốn phân cấp của huyện, thị xã, thành phố: Kế hoạch vốn giao 90 tỷ 811 triệu đồng, giải ngân đến ngày 31/12/2022 là 41 tỷ 479 triệu đồng, đạt 45,68% kế hoạch giao, cụ thể: Thị xã Chơn Thành đạt 99,13%, huyện Bù Gia Mập đạt 66,65%; thành phố Đồng Xoài đạt 46,9%; huyện Phú Riềng đạt 65,59%; huyện Đồng Phú đạt 49,04%; huyện Bù Đốp đạt 31,7%; thị xã Phước Long đạt 27,13%; huyện Lộc Ninh đạt 26,26%; huyện Hớn Quản 0%; huyện Bù Đăng 0%; thị xã Bình Long 0%;

- Vốn thực hiện dự án: Kế hoạch vốn giao 73 tỷ 006 triệu đồng, giải ngân đến ngày 31/12/2022 là 37 tỷ 692 triệu đồng, đạt 51,62% kế hoạch giao.

- Vốn Chương trình nông thôn mới: Kế hoạch vốn giao 25 tỷ 617 triệu đồng, giải ngân đến ngày 31/12/2022 là 21 tỷ 729 triệu đồng, đạt 84,82% kế hoạch giao.

- Vốn Chương trình giảm nghèo bền vững: Kế hoạch vốn giao 616 triệu 500 ngàn đồng, giải ngân đến ngày 31/12/2022 là 136 triệu đồng, đạt 22,06% kế hoạch giao.

*(Kèm theo báo cáo của Kho bạc nhà nước tỉnh)*

### **2. Đánh giá chung và nguyên nhân**

#### **a) Đánh giá chung**

Kết quả giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021 kéo dài sang năm 2022 nguồn NSDP của tỉnh đạt thấp 53,16%. Trong đó, tỷ lệ giải ngân vốn phân cấp của huyện, thị xã, thành phố đạt rất thấp 45,68%. Các huyện, thị xã có tỷ lệ giải ngân vốn phân cấp đạt thấp như: Thị xã Bình Long 0%; Huyện Hớn Quản 0%;

huyện Bù Đăng 0%; huyện Lộc Ninh 26,26%; thị xã Phước Long đạt 27,13%; huyện Bù Đốp đạt 31,7%. Trong khi nguồn vốn này chiếm tỷ lệ 56,94% trong tổng số vốn được kéo dài, nên tỷ trọng giải ngân cho các dự án từ nguồn vốn này ảnh hưởng rất lớn đến tỷ lệ giải ngân chung của tỉnh.

b) Nguyên nhân

\* Nguyên nhân khách quan:

Trong năm 2022 do biến động tăng giá vật tư, nguyên nhiên, vật liệu trên thị trường làm ảnh hưởng đến tiến độ thi công, vì đa số các hợp đồng xây dựng trên địa bàn là hợp đồng trọn gói, không điều chỉnh giá. Dẫn đến tình trạng một số nhà thầu thi công còn cầm chừng, chưa đẩy nhanh tiến độ thi công theo kế hoạch đề ra. Do đó, đến thời điểm cuối năm 2022, tuy đã có kế hoạch vốn giao nhưng không có khối lượng để làm thủ tục thanh toán.

\* Nguyên nhân chủ quan:

(1) Vốn phân cấp các huyện, thị xã, thành phố bố trí còn dàn trải, quá nhiều công trình, quy mô dự án nhỏ, các Ban QLDA xây dựng một số huyện còn thiếu tính chủ động trong công tác chuẩn bị đầu tư; chất lượng đơn vị tư vấn năng lực chưa cao; sau khi được chấp thuận chủ trương đầu tư mới bắt đầu thực hiện và mất thời gian để hoàn thiện thủ tục, dẫn đến thời gian cho thi công trong năm rất ít.

(2) Công tác phối kết hợp giữa chủ đầu tư với đơn vị thi công chưa chặt chẽ. Thiếu sự phối hợp chia sẻ, tháo gỡ khó khăn giữa nhà thầu với chủ đầu tư do biến động tăng giá vật tư, nguyên nhiên, vật liệu trên thị trường.

(3) Trách nhiệm của các sở quản lý chuyên ngành chưa cao trong việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với các dự án do ngành quản lý, theo dõi; thiếu đôn đốc các ngành, địa phương trong đẩy mạnh thực hiện đầu tư để phục vụ cho mục tiêu phát triển của ngành.

## **II. Giải ngân chính thức kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022**

1. Tổng kế hoạch điều chỉnh cuối năm 2022 đã giao là 7.261 tỷ 382 triệu đồng, thực hiện giải ngân năm 2022 là 5.778 tỷ 618 triệu đồng, đạt 77,95% so với chỉ tiêu Chính phủ giao và đạt 79,58% so với kế hoạch tỉnh giao, nếu loại trừ 284 tỷ 116 triệu đồng 03 chương trình mục tiêu quốc gia vốn NSTW được Quốc hội kéo dài thời gian thực hiện giải ngân sang năm 2023 thì tỷ lệ giải ngân đạt 80,83%, bao gồm:

- Vốn ngân sách trung ương: Kế hoạch vốn giao 1.353 tỷ 016 triệu đồng, giải ngân năm 2022 là 1.052 tỷ 607 triệu đồng, đạt 77,8% kế hoạch, trong đó:

+ Vốn các chương trình mục tiêu: Kế hoạch vốn giao 1.000 tỷ đồng, giải ngân năm 2022 là 869 tỷ 033 triệu đồng, đạt 86,9% kế hoạch.

+ Vốn các chương trình mục tiêu quốc gia: Kế hoạch vốn giao 284 tỷ 116 triệu đồng, giải ngân năm 2022 là 139 tỷ 046 triệu đồng, đạt 48,94% kế hoạch.

+ Vốn nước ngoài (ODA): Kế hoạch vốn giao 68 tỷ 900 triệu đồng, giải ngân năm 2022 là 44 tỷ 528 triệu đồng, đạt 64,63% kế hoạch.

- Vốn ngân sách địa phương: Kế hoạch vốn giao 5.908 tỷ 366 triệu đồng, giải ngân năm 2022 là 4.726 tỷ 011 triệu đồng, đạt 80% kế hoạch, trong đó:

+ Vốn xây dựng cơ bản tập trung trong nước: Kế hoạch vốn giao 507 tỷ 840 triệu đồng, giải ngân năm 2022 là 432 tỷ 078 triệu đồng, đạt 85,1% kế hoạch.

+ Nguồn tiền sử dụng đất: Kế hoạch vốn giao 4.518 tỷ 326 triệu đồng, giải ngân năm 2022 là 3.474 tỷ 292 triệu đồng, đạt 76,9% kế hoạch.

+ Vốn XSKT: Kế hoạch vốn giao 833 tỷ 600 triệu đồng, giải ngân năm 2022 là 771 tỷ 041 triệu đồng, đạt 92,5% kế hoạch.

+ Vốn hỗ trợ của TP. HCM: Kế hoạch vốn giao 30 tỷ đồng, giải ngân năm 2022 là 30 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch.

+ Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương (vốn đối ứng dự án ODA): Kế hoạch vốn giao 18 tỷ 600 triệu đồng, giải ngân năm 2022 là 18 tỷ 600 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch.

**\* Kết quả giải ngân phân theo chủ đầu tư, chương trình và ngành lĩnh vực năm 2022**

- Phân theo chủ đầu tư: Huyện Hớn Quản đạt 96%; huyện Bù Đốp đạt 95,6%; huyện Đồng Phú đạt 92,3%; huyện Bù Đăng đạt 90%; Ban QLDA ĐTXD tỉnh đạt 89,9%; thành phố Đồng Xoài đạt 83%; huyện Bù Gia Mập đạt 82,2%; huyện Phú Riềng đạt 73,2%; thị xã Chơn Thành đạt 71,1%; huyện Lộc Ninh đạt 70,8%; thị xã Phước Long đạt 52,2%; thị xã Bình Long đạt 49,3%.

Trong đó vốn phân cấp của huyện, thị xã, thành phố: Kế hoạch vốn giao 3.834 tỷ 561 triệu đồng, giải ngân năm 2022 là 2.598 tỷ 228 triệu đồng, đạt 67,8% kế hoạch giao, cụ thể: Huyện Bù Đốp đạt 94,6%; huyện Hớn Quản đạt 94%; huyện Bù Đăng đạt 87,8%; thành phố Đồng Xoài đạt 82,4%; huyện Đồng Phú đạt 78,4%; huyện Bù Gia Mập đạt 74,9%; huyện Phú Riềng đạt 71,3%; huyện Lộc Ninh 63,4%; thị xã Chơn Thành đạt 61,2%; thị xã Bình Long đạt 43,5%; thị xã Phước Long đạt 43,3%.

- Phân theo chương trình: Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững đạt 96,5%; Chương trình MTQG nông thôn mới đạt 84,8%; Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng ĐBDTTS và MN đạt 22,1%.

- Phân theo ngành, lĩnh vực: Văn hóa xã hội đạt 100%; Quốc phòng, An ninh đạt 99,1%; Công nghiệp đạt 85,7%; Giáo dục và Đào tạo đạt 80,1%; Giao thông, vận tải và Hạ tầng đô thị đạt 78,1%; Y tế đạt 76,7%; Nông nghiệp, thủy lợi đạt 74,7%.

*(Kèm theo báo cáo của Kho bạc nhà nước tỉnh)*

## **2. Đánh giá chung và nguyên nhân**

### **a) Đánh giá chung**

Kết quả giải ngân vốn đầu tư công năm 2022 của tỉnh đạt thấp 79,75%, thấp hơn 14,64 điểm % so với cùng kỳ năm 2021 (cùng kỳ năm 2021 là 94,21%). Ngoài trừ tỷ lệ giải ngân đạt khá của một số huyện như: Huyện Hớn Quản đạt 96%, huyện

Bù Đóp đạt 95,6%; huyện Đồng Phú đạt 92,3%, còn lại các đơn vị khác đều đạt thấp, thấp nhất là: Thị xã Bình Long đạt 49,3%, thị xã Phước Long đạt 52,2%.

Đáng lưu ý là tỷ lệ giải ngân vốn phân cấp của huyện, thị xã, thành phố đạt rất thấp 67,8%. Các huyện, thị xã có tỷ lệ giải ngân vốn phân cấp đạt thấp như: Thị xã Bình Long đạt 43,5%, thị xã Phước Long đạt 43,3%, thị xã Chơn Thành đạt 61,2%, huyện Lộc Ninh đạt 63,4%. Trong đó, tiền sử dụng đất khối huyện tuy đã thu đạt và vượt kế hoạch năm nhưng giải ngân rất thấp, trong khi nguồn vốn này chiếm tỷ lệ trên 70% trong tổng số vốn phân cấp của huyện, thị xã, thành phố, nên tỷ trọng giải ngân cho các dự án từ nguồn vốn này ảnh hưởng rất lớn đến tỷ lệ giải ngân chung của tỉnh. Đồng thời, vốn 03 Chương trình mục tiêu quốc gia nguồn NSTW giải ngân đạt rất thấp 48,9%.

#### b) Nguyên nhân

##### \* Nguyên nhân khách quan:

(1) Vốn đầu tư từ tiền sử dụng đất chiếm tỷ trọng lớn (62,2 %) trên tổng vốn đầu tư công toàn tỉnh; trong đó, có 8/11 huyện, thị xã, thành phố có vốn đầu tư từ tiền sử dụng đất trên 70% tổng số vốn phân cấp của khối huyện nên tỷ trọng giải ngân cho các dự án từ nguồn vốn này ảnh hưởng rất lớn đến tỷ lệ giải ngân chung của khối huyện. Đồng thời, đến nay thu tiền sử dụng đất khối tỉnh đạt thấp (30%), nên ảnh hưởng lớn đến tiến độ thi công và giải ngân vốn các dự án.

(2) Những tháng đầu năm do biến động tăng giá vật tư, nguyên nhiên, vật liệu trên thị trường làm ảnh hưởng đến tiến độ thi công, vì đa số các hợp đồng xây dựng trên địa bàn là hợp đồng trọn gói, không điều chỉnh giá. Dẫn đến tình trạng một số nhà thầu thi công còn cầm chừng, chưa đẩy nhanh tiến độ thi công theo kế hoạch đề ra.

##### \* Nguyên nhân chủ quan:

(1) Vốn phân cấp các huyện, thị xã, thành phố bố trí còn dàn trải, quá nhiều công trình, quy mô dự án nhỏ, các Ban QLDA xây dựng một số huyện còn thiếu tính chủ động trong công tác chuẩn bị đầu tư; chất lượng đơn vị tư vấn năng lực chưa cao; sau khi được chấp thuận chủ trương đầu tư mới bắt đầu thực hiện và mất thời gian để hoàn thiện thủ tục, dẫn đến thời gian cho thi công trong năm rất ít.

(2) Công tác giải phóng mặt bằng, tái định cư của nhiều dự án còn vướng mắc, làm ảnh hưởng đến tiến độ thi công như: Xây dựng đường kết nối các KCN phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài; Đường phía Tây QL 13 đoạn Chơn Thành - Hoa Lư tỉnh Bình Phước; Nâng cấp, thảm nhựa các tuyến đường còn lại khu dân cư phía Bắc Tỉnh lỵ; Xây dựng đường Trần Hưng Đạo (đoạn từ đường Nguyễn Bình đến QL14 và đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường Trần Phú)..

(3) Công tác phối kết hợp giữa chủ đầu tư với các Sở, ban, ngành và các địa phương chưa kịp thời, thiếu chặt chẽ, nhất là trong công tác đền bù, giải phóng mặt bằng dự án kéo dài. Thiếu sự phối hợp chia sẻ, tháo gỡ khó khăn giữa nhà thầu với chủ đầu tư do biến động tăng giá vật tư, nguyên nhiên, vật liệu trên thị trường.

(4) Trách nhiệm của các sở quản lý chuyên ngành chưa cao trong việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với các dự án do ngành quản lý, theo dõi; thiếu đôn đốc các ngành, địa phương trong đẩy mạnh thực hiện đầu tư để phục vụ cho mục tiêu phát triển của ngành.

### **III. Kết quả giải ngân vốn đầu tư công 5 tháng, ước thực hiện giải ngân 6 tháng đầu năm 2023**

1. Tổng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 đã giao là 5.755 tỷ 631 triệu đồng, thực hiện giải ngân 5 tháng đầu năm là 1.405 tỷ 230 triệu đồng, đạt 18,9% so với chỉ tiêu Chính phủ giao và đạt 24,4% so với kế hoạch tỉnh giao; ước thực hiện giải ngân 6 tháng đầu năm là 1.954 tỷ 484 triệu đồng, đạt 26,3% so với chỉ tiêu Chính phủ giao và đạt 34% so với kế hoạch tỉnh giao, bao gồm:

a) Vốn ngân sách trung ương: Kế hoạch vốn giao 824 tỷ 121 triệu đồng, thực hiện giải ngân 5 tháng đầu năm là 116 tỷ 821 triệu đồng, đạt 14,2% kế hoạch; ước thực hiện giải ngân 6 tháng đầu năm là 244 tỷ đồng, đạt 29,6% kế hoạch, trong đó:

- Vốn các chương trình mục tiêu: Kế hoạch vốn giao 470 tỷ đồng, thực hiện giải ngân 5 tháng đầu năm là 83 tỷ 188 triệu đồng, đạt 17,7% kế hoạch; ước thực hiện giải ngân 6 tháng đầu năm là 200 tỷ đồng, đạt 42,6% kế hoạch.

- Vốn các chương trình mục tiêu quốc gia: Kế hoạch vốn giao 354 tỷ 121 triệu đồng, thực hiện giải ngân 5 tháng đầu năm 33 tỷ 633 triệu đồng, đạt 9,5% kế hoạch; ước thực hiện giải ngân 6 tháng đầu năm là 44 tỷ đồng, đạt 12,4% kế hoạch.

b) Vốn ngân sách địa phương: Kế hoạch vốn giao 4.931 tỷ 510 triệu đồng, thực hiện giải ngân 5 tháng đầu năm là 1.288 tỷ 409 triệu đồng, đạt 26,1% kế hoạch; ước thực hiện giải ngân 6 tháng đầu năm là 1.710 tỷ 484 triệu đồng, đạt 34,7% kế hoạch, trong đó:

- Vốn xây dựng cơ bản tập trung trong nước: Kế hoạch vốn giao 502 tỷ 210 triệu đồng, thực hiện giải ngân 5 tháng đầu năm là 213 tỷ 610 triệu đồng, đạt 42,5% kế hoạch; ước thực hiện giải ngân 6 tháng đầu năm là 310 tỷ đồng, đạt 61,7% kế hoạch.

- Nguồn tiền sử dụng đất: Kế hoạch vốn giao 3.514 tỷ 900 triệu đồng, thực hiện giải ngân 5 tháng đầu năm là 803 tỷ 030 triệu đồng, đạt 22,8% kế hoạch; ước thực hiện giải ngân 6 tháng đầu năm là 1.000 tỷ đồng, đạt 28,5% kế hoạch.

- Vốn XSKT: Kế hoạch vốn giao 890 tỷ đồng, thực hiện giải ngân 5 tháng đầu năm là 271 tỷ 285 triệu đồng, đạt 30,5% kế hoạch; ước thực hiện giải ngân 6 tháng đầu năm là 400 tỷ đồng, đạt 44,9% kế hoạch.

- Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương (vốn đối ứng dự án ODA): Kế hoạch vốn giao 24 tỷ 400 triệu đồng, thực hiện giải ngân 5 tháng đầu năm là 484 triệu đồng, đạt 2% kế hoạch; ước thực hiện giải ngân 6 tháng đầu năm là 484 triệu đồng, đạt 2% kế hoạch.

**\* Kết quả giải ngân phân theo chủ đầu tư, chương trình và ngành lĩnh vực**

- Phân theo chủ đầu tư: Huyện Bù Đốp đạt 45,6%; huyện Bù Gia Mập đạt 43,8%; huyện Hớn Quản đạt 40,2%; thị xã Phước Long đạt 37,1%; huyện Bù Đăng đạt 33,3%; huyện Phú Riềng đạt 32,3%; huyện Lộc Ninh đạt 26,7%; huyện Đồng Phú đạt 26,8%; thành phố Đồng Xoài đạt 21,4%; thị xã Bình Long đạt 17,1%; thị xã Chơn Thành đạt 16,1%; Ban QLDA ĐTXD tỉnh đạt 15,9%.

Trong đó: Vốn phân cấp của huyện, thị xã, thành phố: Kế hoạch vốn giao 2.352 tỷ 348 triệu đồng, giải ngân 5 tháng đầu năm 2023 là 439 tỷ 609 triệu đồng, đạt 18,7% kế hoạch giao, cụ thể: Huyện Bù Đốp đạt 38,7%; huyện Bù Gia Mập đạt 33,8%; thị xã Phước Long đạt 28,9%; huyện Bù Đăng đạt 25,4%; huyện Lộc Ninh đạt 18,2%; huyện Hớn Quản đạt 17,3%; huyện Đồng Phú đạt 16,3%; thị xã Chơn Thành đạt 16,1%; thành phố Đồng Xoài đạt 14,2%; huyện Phú Riềng đạt 10,7%; thị xã Bình Long đạt 4,9%.

- Phân theo chương trình: Chương trình MTQG nông thôn mới đạt 15,4%; Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đạt 9,6%, Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững chưa thực hiện giải ngân.

- Phân theo ngành, lĩnh vực: Công nghiệp đạt 53,7%; Văn hóa xã hội đạt 47,2%; Giáo dục và Đào tạo đạt 26%; Giao thông, vận tải và Hạ tầng đô thị đạt 25,1%; Nông nghiệp, thủy lợi đạt 21,1%; Quốc phòng, An ninh đạt 19,6%; Y tế đạt 16,3%.

## 2. Đánh giá chung và nguyên nhân

### a) Đánh giá chung

Kết quả giải ngân vốn đầu tư công 5 tháng đầu năm 2023 của tỉnh mặc dù có cao hơn 5,1 điểm % so với cùng kỳ năm 2022 (cùng kỳ năm 2022 là 19,3%) nhưng tỷ lệ giải ngân còn thấp đạt 24,4%, trong đó vốn NSTW đạt rất thấp 14,2%. Ngoài trừ tỷ lệ giải ngân đạt khá của một số huyện như: Huyện Bù Đốp đạt 45,6%; huyện Bù Gia Mập đạt 43,8%; huyện Hớn Quản đạt 40,2%; còn lại các đơn vị khác giải ngân còn thấp, nhất là: Ban QLDA ĐTXD tỉnh đạt 15,9%, thị xã Chơn Thành đạt 16,1%.

Đáng lưu ý là tỷ lệ giải ngân vốn phân cấp của huyện, thị xã, thành phố đạt rất thấp 18,7%. Các huyện, thị xã, thành phố có tỷ lệ giải ngân vốn phân cấp thấp như: Thị xã Bình Long đạt 4,9%, huyện Phú Riềng đạt 10,7%, thành phố Đồng Xoài đạt 14,2%, thị xã Chơn Thành đạt 16,1%.

### b) Nguyên nhân

\* Nguyên nhân khách quan:

- Vốn NSTW các Chương trình mục tiêu quốc gia 5 tháng đầu năm 2023 giải ngân đạt rất thấp 12,4% là do tập trung giải ngân số vốn còn lại của năm 2022 được phép kéo dài. Ngoài ra, 5 tháng đầu năm 2023 các Chương trình mục tiêu quốc gia đang xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện và hoàn thiện thủ tục đầu tư các dự án thành phần của Chương trình, đặc biệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Công tác đấu giá quyền sử dụng đất gặp khó khăn, do thị trường bất động sản trầm lắng nên ảnh hưởng đến nguồn thu và giải ngân các dự án từ nguồn thu này.

\* Nguyên nhân chủ quan:

- Công tác chuẩn bị đầu tư chưa tốt, nhất là các dự án khởi công mới năm 2023 chậm hoàn thiện thủ tục đầu tư. Đến nay còn 8/11 dự án khởi công mới chưa phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công - dự toán và 01 dự án chưa phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi nên UBND tỉnh chưa giao vốn.

- Một số dự án còn vướng công tác GPMB như dự án: Xây dựng đường giao thông phía Tây QL 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư; Đường giao thông kết hợp du lịch hồ thủy lợi Phước Hòa; Nâng cấp, thảm nhựa các tuyến đường còn lại khu dân cư phía Bắc tỉnh lỵ; Xây dựng đường Trần Hưng Đạo (đoạn từ đường Nguyễn Bình đến QL14 và đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường Trần Phú); Hỗ trợ Xây dựng tuyến đường kết nối khu dân cư Đại Nam ra xã Minh Lập huyện Chơn Thành...

- Công tác phối kết hợp giữa chủ đầu tư với các Sở, ban, ngành và các địa phương chưa kịp thời, thiếu chặt chẽ, nhất là trong công tác đền bù, giải phóng mặt bằng dự án kéo dài. Thiếu sự phối hợp chia sẻ, tháo gỡ khó khăn giữa nhà thầu với chủ đầu tư do biến động tăng giá vật tư, nguyên nhiên vật liệu trên thị trường.

- Trách nhiệm của các sở quản lý chuyên ngành chưa cao trong việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với các dự án do ngành quản lý, theo dõi; thiếu đôn đốc các ngành, địa phương trong đẩy mạnh thực hiện đầu tư để phục vụ cho mục tiêu phát triển của ngành.

### **3. Giải pháp đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công 6 tháng cuối năm 2023**

- Triển khai thực hiện quyết liệt Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2023; Chỉ thị số 08/CT-TTg ngày 23/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm đẩy mạnh phân bổ, giải ngân vốn đầu tư công, 03 Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023, thực hiện Chương trình phục hồi phát triển kinh tế - xã hội; Công điện số 71/CĐ-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025; Công điện số 13/CĐ-BKHĐT ngày 29/12/2022, Công điện số 02/CĐ-BKHĐT ngày 22/3/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư vốn NSNN năm 2023. Chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Công văn số 75/UBND-TH ngày 09/01/2023, Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 05/4/2023 về các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công, vốn 03 chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023.

- Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các chủ đầu tư: Xem công tác giải ngân vốn đầu tư công năm 2023 là nhiệm vụ chính trị quan trọng, thường xuyên. Đề cao kỷ luật, kỷ cương đầu tư công, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm, cản trở làm chậm tiến độ giao vốn, giải ngân vốn; nâng cao trách nhiệm người đứng đầu, gắn kết quả giải ngân với đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao. Làm tốt công tác chuẩn bị đầu tư, chuẩn bị thực hiện dự

án, nâng cao tính sẵn sàng, tính khả thi và khả năng triển khai thực hiện dự án, nhất là các dự án vốn phân cấp các huyện, thị xã, thành phố; nghiên cứu, có giải pháp căn cơ tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong giải ngân vốn đầu tư công đã tồn tại nhiều năm nhất là công tác đền bù, GPMB, hỗ trợ tái định cư. Khẩn trương tham mưu UBND tỉnh ban hành các văn bản quy định về cơ chế quay vòng vốn; định mức chi phí thực hiện công tác bảo trì công trình được đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù để đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ của Tổ rà soát vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh để tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo sát sao, hiệu quả vốn đầu tư công. Duy trì giao ban định kỳ, thường xuyên về giải ngân vốn đầu tư công để tháo gỡ những khó khăn vướng mắc như: Thủ tục đầu tư, công tác GPMB, công tác đấu giá QSDĐ để có nguồn thu giải ngân vốn đầu tư công.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát đánh giá đầu tư, rà soát các chương trình, dự án để đảm bảo đúng mục tiêu, đối tượng ưu tiên, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ động rà soát tiến độ giải ngân của từng dự án để kịp thời đề ra giải pháp, tham mưu UBND tỉnh điều chuyển vốn những dự án chậm giải ngân sang dự án có tiến độ giải ngân tốt hơn, đảm bảo tỷ lệ giải ngân cuối năm đạt trên 95% kế hoạch vốn được giao.

- Sở Xây dựng, Sở Tài chính cập nhật, điều chỉnh công bố giá vật liệu xây dựng, chỉ số giá xây dựng theo quy định đáp ứng yêu cầu quản lý chi phí đầu tư xây dựng, hợp đồng xây dựng; kiểm soát tình trạng biến động giá nguyên, nhiên liệu xây dựng và xử lý nghiêm các hành vi đầu cơ, nâng giá trục lợi.

- Đối với vốn phân cấp các huyện, thị xã, thành phố: Yêu cầu Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo quyết liệt, khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh và Chủ tịch UBND tỉnh về công tác phân bổ và giải ngân vốn phân cấp được giao, đảm bảo tỷ lệ giải ngân cuối năm đạt trên 95% kế hoạch.

*(Kèm theo Biểu 1, Biểu 2, Biểu 3, Biểu 4)*

Trên đây là Báo cáo giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021 kéo dài sang năm 2022 nguồn NSDP; giải ngân chính thức kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 và kết quả giải ngân vốn đầu tư công 5 tháng, ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2023, UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh xem xét, cho ý kiến chỉ đạo./.

**Nơi nhận:**

- TTTU, TT.HĐND tỉnh (báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐVP, Phòng TH;
- Lưu: VT.



**CHỦ TỊCH**

**Trần Tuệ Hiền**

**BIỂU 1**  
**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG 5 THÁNG, ƯỚC THỰC HIỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023**  
*(Kèm theo Báo cáo số 181 /BC-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2023		Thực hiện và giải ngân 5 tháng đầu năm 2023				Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2023			
		TW giao	Tỉnh giao	Số vốn	Tỷ lệ (%)		Số vốn	Tỷ lệ (%)			
					TW giao	Tỉnh giao		TW giao	Tỉnh giao		
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>7.424.731</b>	<b>5.755.631</b>	<b>1.405.230</b>	<b>18,9</b>	<b>24,4</b>	<b>1.954.484</b>	<b>26,3</b>	<b>34,0</b>		
<b>I</b>	<b>Vốn ngân sách trung ương</b>	<b>998.121</b>	<b>824.121</b>	<b>116.821</b>	<b>11,7</b>	<b>14,2</b>	<b>244.000</b>	<b>24,4</b>	<b>29,6</b>		
<b>1</b>	<b>Vốn trong nước</b>	<b>998.121</b>	<b>824.121</b>	<b>116.821</b>	<b>11,7</b>	<b>14,2</b>	<b>244.000</b>	<b>24,4</b>	<b>29,6</b>		
	Trong đó:										
1	Các Chương trình mục tiêu	470.000	470.000	83.188	17,7	17,7	200.000	42,6	42,6		
	Các Chương trình mục tiêu quốc gia	354.121	354.121	33.633	9,5	9,5	44.000	12,4	12,4		
2	Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	201.962	201.962	20.870	10,3	10,3	23.500	11,6	11,6		
-	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	3.079	3.079	-	-	-	500	16,2	16,2		
-	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	149.080	149.080	12.763	8,6	8,6	20.000	13,4	13,4		
3	Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội	174.000	-	-	-	-	-	-	-		
2	<b>Vốn nước ngoài</b>										
<b>II</b>	<b>Vốn ngân sách địa phương</b>	<b>6.426.610</b>	<b>4.931.510</b>	<b>1.288.409</b>	<b>20,0</b>	<b>26,1</b>	<b>1.710.484</b>	<b>26,6</b>	<b>34,7</b>		
1	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	502.210	502.210	213.610	42,5	42,5	310.000	61,7	61,7		
2	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	5.000.000	3.514.900	803.030	16,1	22,8	1.000.000	20,0	28,5		
3	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	900.000	890.000	271.285	30,1	30,5	400.000	44,4	44,9		
4	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	24.400	24.400	484	2,0	2,0	484	2,0	2,0		



BIỂU 2

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG S THÁNG, ƯỚC THỰC HIỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023**  
(Kèm theo Báo cáo số 181/BC-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng.

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2023						Thực hiện giải ngân 5 tháng đầu năm 2023			Chi chú
		Tổng số	NSTW	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Số số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn hội chi ngân sách địa phương	Khối lượng	Giải ngân	Tỷ lệ	
	Tổng số	5.755.631	824.121	502.210	3.514.900	890.000	24.400	1.345.419	1.405.230	24,4	
A	Vốn phân cấp huyện, thị xã, thành phố	2.352.348	293.680	291.968	1.533.700	233.000		439.609	439.609	18,7	Chi tiết Phụ lục 2.1
1	Thành phố Đồng Xoài	304.388		26.000	278.320			43.297	43.297	14,2	
	Trong đó:										
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	83.496			83.496						
	Chương trình giảm nghèo bền vững	68		68							
2	Thị xã Bình Long	177.817		23.146	139.160	14.000		8.750	8.750	4,9	
	Trong đó:										
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	41.748			41.748						
	Tình hỗ trợ có mục tiêu (xây dựng 20 phòng học)	14.000				14.000		8.750	8.750		
	Chương trình giảm nghèo bền vững	51		51							
	Chương trình MTQG phát triển kinh tế- xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.	1.606		146							
3	Thị xã Phước Long	40.808		22.000	11.760	7.000		11.805	11.805	28,9	
	Trong đó:										
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	3.528			3.528						
	Tình hỗ trợ có mục tiêu (xây dựng 10 phòng học)	7.000				7.000		2.905	2.905		
	Chương trình giảm nghèo bền vững	48		48							
4	Huyện Đồng Phú	182.625		4.011	26.394	136.220		29.850	29.850	16,3	
	Trong đó:										
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	40.866			40.866						
	Tình hỗ trợ có mục tiêu (xây dựng 10 phòng học)	7.000				7.000		27	2.366		
	Chương trình mục tiêu quốc gia NTM	9.000				9.000		407	5.417		
	Chương trình giảm nghèo bền vững	71		71							
	Chương trình MTQG phát triển kinh tế- xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.	4.334		394							
5	Huyện Bù Đăng	251.804		54.127	31.917	109.760		63.970	63.970	25,4	
	Trong đó:										
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	32.928			32.928						
	Tình hỗ trợ có mục tiêu (xây dựng 50 phòng học)	35.000				35.000		13.877	13.877		
	Chương trình mục tiêu quốc gia NTM	45.812		24.812		21.000		16.370	16.370		
	Chương trình giảm nghèo bền vững	150		150							

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2023										Thực hiện giải ngân 5 tháng đầu năm 2023			Ghi chú
		Tổng số	Trong đó:					Khối lượng	Giải ngân	Tỷ lệ					
			NSTW	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Dầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương								
6	Chương trình MTQG phát triển kinh tế- xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.	32.082	29.165	2.917								4.950			
	<b>Huyện Bù Gia Mập</b>	<b>211.925</b>	<b>64.560</b>	<b>30.205</b>	<b>90.160</b>	<b>27.000</b>						<b>71.612</b>	<b>71.612</b>	<b>33,8</b>	
	Trong đó:														
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	27.048			27.048										
	Tình hỗ trợ có mục tiêu (xây dựng 30 phòng học)	21.000				21.000					9.862	9.862			
	Chương trình mục tiêu quốc gia NTM	18.406	12.406			6.000									
7	Chương trình MTQG phát triển kinh tế- xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.	57.257	52.052	5.205								239	3.764		
	<b>Thị xã Chơn Thành</b>	<b>431.468</b>	<b>68</b>	<b>25.000</b>	<b>372.400</b>	<b>34.000</b>						<b>69.458</b>	<b>69.458</b>	<b>16,1</b>	
	Trong đó:														
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	111.720			111.720										
	Tình hỗ trợ có mục tiêu (xây dựng 40 phòng học)	28.000				28.000									
	Chương trình mục tiêu quốc gia NTM	6.000				6.000						6.000			
8	Chương trình giảm nghèo bền vững	68	68												
	<b>Huyện Hớn Quản</b>	<b>194.541</b>	<b>15.121</b>	<b>25.260</b>	<b>139.160</b>	<b>15.000</b>						<b>33.590</b>	<b>33.590</b>	<b>17,3</b>	
	Trong đó:														
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	41.748			41.748										
	Chương trình mục tiêu quốc gia NTM	27.406	12.406			15.000					6.741				
	Chương trình giảm nghèo bền vững	115	115												
9	Chương trình MTQG phát triển kinh tế- xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.	2.860	2.600	260											
	<b>Huyện Lộc Ninh</b>	<b>223.313</b>	<b>96.406</b>	<b>33.267</b>	<b>66.640</b>	<b>27.000</b>						<b>40.611</b>	<b>40.611</b>	<b>18,2</b>	
	Trong đó:														
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	19.992			19.992										
	Tình hỗ trợ có mục tiêu (xây dựng 30 phòng học)	21.000				21.000					418	418			
	Chương trình mục tiêu quốc gia NTM	49.644	43.644			6.000					245	3.358			
10	Chương trình giảm nghèo bền vững	94	94												
	Chương trình MTQG phát triển kinh tế- xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.	57.935	52.668	5.267								10.197	12.606		
	<b>Huyện Bù Đốp</b>	<b>110.319</b>	<b>15.970</b>	<b>24.589</b>	<b>60.760</b>	<b>9.000</b>						<b>42.715</b>	<b>42.715</b>	<b>38,7</b>	
	Trong đó:														
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	18.228			18.228										
	Chương trình mục tiêu quốc gia NTM	9.000				9.000					2.322				
11	Chương trình giảm nghèo bền vững	75	75												
	Chương trình MTQG phát triển kinh tế- xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.	17.484	15.895	1.589											
	<b>Huyện Phú Riềng</b>	<b>223.340</b>	<b>41.790</b>	<b>24.190</b>	<b>129.360</b>	<b>28.000</b>						<b>23.951</b>	<b>23.951</b>	<b>10,7</b>	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2023							Thực hiện giải ngân 5 tháng đầu năm 2023			Ghi chú
		Tổng số	NSTW	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bởi chi ngân sách địa phương	Khối lượng	Giải ngân	Tỷ lệ		
											Trong đó:	
	Trong đó:											
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tới thiểu 30%	38.808			38.808							
	Tính hỗ trợ có mục tiêu (xây dựng 10 phòng học)	7.000				7.000			710			
	Chương trình mục tiêu quốc gia NTM	60.812	39.812			21.000			242			
	Chương trình giảm nghèo bền vững	82	82						-			
	Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.	2.086	1.896	190					-			
	<b>Sở Tài chính</b>	<b>16.360</b>				<b>16.360</b>			<b>4.798</b>			
	Trả nợ vay ODA (Dự án Minh Lập - Lộc Hiệp)	16.360				16.360			4.798			
	<b>C</b>	<b>Vốn thực hiện dự án</b>	<b>3.312.515</b>	<b>489.815</b>	<b>176.460</b>	<b>1.981.200</b>	<b>640.640</b>	<b>24.400</b>	<b>905.810</b>	<b>960.823</b>	<b>29,0</b>	
	<b>I</b>	<b>Ban QLDA ĐTXD tỉnh</b>	<b>1.747.427</b>	<b>250.000</b>	<b>44.230</b>	<b>1.164.880</b>	<b>263.917</b>	<b>24.400</b>	<b>256.504</b>	<b>277.357</b>	<b>15,9</b>	
	<b>Dự án chuyển tiếp</b>	<b>1.352.800</b>	<b>250.000</b>	<b>41.530</b>	<b>809.370</b>	<b>227.500</b>	<b>24.400</b>	<b>250.753</b>	<b>271.606</b>	<b>20,1</b>		
1	Xây dựng đường giao thông phía Tây QL 13 kết nối Chơn Thành - Hòa Lư	440.460	250.000	10.530	179.930				112	7.610		
2	Nâng cấp, mở rộng QL 13 đoạn từ ngã ba Lộc Tân đến cửa khẩu quốc tế Hoa Lư	20.000			20.000				133	133		
3	Hỗ trợ phát triển khu vực biên giới - Tiêu dự án tỉnh Bình Phước (đường Minh Lập - Lộc Hiệp)	24.400					24.400		484	484		
4	Đường giao thông kết hợp du lịch hồ thủy lợi Phước Hòa	35.000			35.000				21.182	21.182		
5	Đường Đồng Tiến - Tân Phú, huyện Đồng Phú	35.000			35.000				5.641	5.641		
6	Nâng cấp, thảm nhựa các tuyến đường còn lại khu dân cư phía Bắc Tỉnh lỵ	75.700			75.700				3.505	16.624		
7	Xây dựng tuyến kết nối ĐT.753B với đường Đồng Phú - Bình Dương (đoạn Lạm Sơn - Tân Phước)	44.000			44.000				25.344	25.344		
8	Xây dựng đường kết nối ngang QL14 kéo dài ĐT 755 nối ĐT 753	25.000			25.000				24.733	24.733		
9	Xây dựng đường Đồng Hư - Bàu Nám, huyện Chơn Thành (Kết nối các tuyến đường Minh Thành-Bàu Nám)	10.000			10.000				5.630	5.866		
10	Nâng cấp, mở rộng QL14 đoạn Đồng Xoài - Chơn Thành	210.000			210.000				-	-		
11	Xây dựng đường phía Tây QL13 kết nối Bàu Bàng	20.000			20.000				25.813	-		
12	Xây dựng đường vành đai Suối Cạn 1,2 kết nối QL14	30.000			30.000				25.813	25.813		
13	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT 741 kết nối thị xã Phước Long với huyện Bù Gia Mập (đoạn từ dốc Cùi Chó qua TTHC huyện Bù Gia Mập tới giáp QL 14C)	32.000			32.000				14.911	14.911		





Kế hoạch vốn năm 2023

Thực hiện giải ngân 5 tháng đầu năm 2023

STT	Tên dự án	Tổng số	Trong đó:						Khối lượng	Giải ngân	Tỷ lệ	Ghi chú
			NSTW	Chi XD/CB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xã số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương					
14	Xây dựng mương thoát nước và đường giao thông ngoài Khu công nghiệp và khu dân cư Becamex Bình Phước (giai đoạn II)	31.000		31.000				8.252	8.252			
15	Xây dựng mương công thoát nước ngoài khu công nghiệp Việt Kiều	5.000			5.000				-			
16	Xây dựng mương, công thoát nước ngoài khu công nghiệp Tân Khai II (nối tiếp)	9.000			9.000				-			
17	Xây dựng mương thoát nước mưa và thoát nước thải ngoài hàng rào khu công nghiệp Minh Hưng III mở rộng	14.000			14.000			13.575	13.575			
18	Xây dựng mương thoát nước mưa và thoát nước thải ngoài hàng rào khu công nghiệp Minh Hưng Sikico mở rộng	13.000			13.000				-			
19	Xây dựng mương thoát nước mưa và thoát nước thải ngoài hàng rào khu công nghiệp Minh Hưng - Hàn Quốc kéo dài	13.000			13.000			12.589	12.589			
20	Xây dựng hoàn thiện hạ tầng khu công nghiệp Chơn Thành II	28.740			28.740			22.464	22.464			
21	Xây dựng nối tiếp mương thoát nước ngoài hàng rào Khu công nghiệp Đồng Xoài III (Đoạn Suối Dinh - Khu CN Đồng Xoài II)	10.000			10.000			10.000	10.000			
22	Trường Cao đẳng Bình Phước	3.000				3.000			-			
23	Xây dựng khối phòng học, thư viện-trung tâm nghiên cứu khoa học Trường THPT Đồng Xoài	4.000				4.000			-			
24	Xây dựng Trường THPT Phú Riêng	25.000				25.000	11.719	11.719				
25	Dự án kiến cơ hóa phòng học tám, phòng học bán kiên có cấp học Mầm non và Tiểu học cho vùng đồng bào DTTS, vùng sâu, vùng xa theo QĐ 900/QĐ-TTg ngày 20/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ	100.000				100.000	868	868				
26	Xây dựng cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Bình Phước (giai đoạn 2)	46.500				46.500	36.768	36.768				
27	Nâng cấp trung tâm y tế thị xã Phước Long	24.500				24.500	2.030	2.030				
28	Nâng cấp trung tâm y tế huyện Lộc Ninh	24.500				24.500	5.000	5.000				
	<b>Dự án khởi công mới</b>	<b>385.350</b>				<b>355.510</b>	<b>646</b>	<b>646</b>		<b>0,2</b>		
29	Xây dựng đường kết nối ngang QL13 và tuyến Tây QL 13 đoạn Chơn Thành - Hoa Lư	134.000			134.000				-			
30	Nâng cấp mở rộng ĐT.753B đoạn Lam Sơn - Dăng Hà	195.000			195.000				-			
31	Xây dựng Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh BP	56.350			26.510	29.840	646	646				
32	Nâng cấp mở rộng trung tâm y tế thị xã Bình Long	-							-			
	<b>Tất toán các công trình quyết toán</b>	<b>6.577</b>				<b>6.577</b>	<b>5.105</b>	<b>5.105</b>		<b>77,6</b>	<b>Chưa có QĐ</b>	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2023						Thực hiện giải ngân 5 tháng đầu năm 2023				Ghi chú
		Tổng số	NSTW	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Số số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn hội chi ngân sách địa phương	Khối lượng	Giải ngân	Tỷ lệ		
											Trong đó:	
32	Trường THPT Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.	4.468				4468		4.379	4.379			
33	Trung tâm y tế huyện Phú Riềng.	226				226		225	225			
34	Hồ chứa nước Sơn Lợi, huyện Bù Đăng	197				197		-	-			
35	Nâng cấp, mở rộng đường Lộc Tân-Bù Đốp (ĐT 759B) đoạn K8+000 đến Km10+500 huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.	328				328		265	265			
36	Xử lý sạt lở, đảm bảo giao thông khẩn cấp đoạn KM16+000 đến Km21+369 đường Sao Bông - Đăng Hà, tỉnh Bình Phước: Hoàn thiện mặt đường Bê tông nhựa 2 lớp và công trình phụ trợ	87				87		77	77			
37	Khu tương niệm thuộc khu di tích lịch sử căn cứ bộ chỉ huy quân sự giải phóng Miền Nam Việt Nam	29				29		28	28			
38	Nhà đón tiếp khu di tích lịch sử căn cứ bộ chỉ huy Miền Nam Việt Nam	41				41		40	40			
39	Nội đài hạ lưu nương thoát nước ngoài hàng rào KCN Minh Hưng - Hàn Quốc	889				889		-	-			
40	Đầu nối hạ tầng KDC Phú Thịnh (Giai đoạn 1) P. Tân Phú, TP. Đồng Xoài với đường Hồ Xuân Hương	78				78		23	23			
41	Hệ thống thủy lợi Hưng Phú, xã Minh Hưng, huyện Bù Đăng	11				11		-	-			
42	Phương án và dự toán chi phí hỗ trợ thực hiện đào mới và cải tạo, nâng cấp giếng đào xã Minh Tâm, huyện Hớn Quản	7				7		-	-			
43	Sửa chữa, nâng cấp công trình cấp nước SHTT xã Hưng Phước, huyện Bù Đốp	18				18		18	18			
44	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Đa Bò, huyện Bù Đăng.	50				50		26	26			
45	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Bàu úm, xã Tân Khai.	39				39		24	24			
46	Trung tâm văn hóa thông tin tỉnh Bình Phước.	109				109		-	-			
	<b>Chẩn bị đầu tư giai đoạn 2021-2025</b>	<b>2.700</b>				<b>2.700</b>		<b>-</b>	<b>-</b>			
47	Nâng cấp cải tạo khu Trường Cao đẳng nghề (CT) và Đầu tư Trang thiết bị- xây dựng mới một số hạng mục cơ sở trong KCN Becamex - Bình Phước thuộc Trường Cao đẳng Bình Phước	1.700		1.700								
48	Xây dựng đường kết nối Hớn Quản ra QL14 (Xã Nha Bích, thị xã Chơn Thành)	600		600								
49	Nâng cấp mặt đường tuyến ĐT.760 đoạn từ xã Bom Bò đến cầu Đăk Lung 2, tỉnh Bình Phước	400		400								
<b>II</b>	<b>Thành Phố Đồng Xoài</b>	<b>103.000</b>		<b>50.000</b>		<b>53.000</b>		<b>43.803</b>	<b>43.803</b>		<b>42,5</b>	
	<b>Dự án chuyển tiếp</b>	<b>103.000</b>		<b>50.000</b>		<b>53.000</b>		<b>43.803</b>	<b>43.803</b>		<b>42,5</b>	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2023										Thực hiện giải ngân 5 tháng đầu năm 2023		Ghi chú		
		Tổng số	NSTW	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bồi chi ngân sách địa phương	Khối lượng	Giải ngân	Tỷ lệ	Trong đó:					
1	Xây dựng đường Trần Hưng Đạo (đoạn từ đường Nguyễn Bình đến QL14 và đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường Trần Phú)	50.000		50.000								33.078	33.078			
2	Đường Trường Chinh (đoạn qua khu đô thị Cát Tường)	40.000			40.000							10.725	10.725			
3	Xây dựng đường vào trại giam An Phước	13.000			13.000							10.725	10.725			
III	Thị xã Bình Long	90.580		25.580	30.000	35.000						37.193	37.193	41,1		
	Dự án chuyển tiếp	65.000		-	30.000	35.000						18.685	18.685	28,7		
1	Nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Thái Học nối dài kết nối huyện Hòa Quan	30.000			30.000								-			
2	Xây dựng trường THPT Bình Long	35.000				35.000						18.685	18.685			
	Dự án khởi công mới	25.580		25.580	-	-						18.508	18.508	72,4		
3	Xây dựng đường Lê Đại Hành thị xã Bình Long nối dài tiếp giáp huyện Hòa Quan	25.580		25.580								18.508	18.508			
IV	Thị xã Phước Long	74.500		-	74.500							30.938	30.938	41,5		
	Dự án chuyển tiếp	74.500		-	74.500							30.938	30.938	41,5		
1	Xây dựng cầu bắc qua Sông Bé (nối thị xã Phước Long với huyện Bù Gia Mập)	15.000			15.000							9.636	9.636			
2	Xây dựng đường từ ĐT 759 đi qua khu di tích lịch sử Cây Kiềng Bà Định và nhà tù Bà Rá	20.000			20.000							4.134	4.134			
3	Xây dựng, láng nhựa đường từ ĐT 741 (gần Công ty cao su Phước Long, huyện Phú Riềng) đến đường ĐT 759 (khu vực Long Điền, Long Phước)	16.500			16.500							10.238	10.238			
4	Xây dựng, láng nhựa đường từ ĐT 741 đến đường vòng quanh núi Bà Rá	15.000			15.000							6.930	6.930			
5	Xây dựng đường và cải tạo lòng hồ Long Thủy, thị xã Phước Long	8.000			8.000								-			
V	Huyện Đồng Phú	130.000	50.000	20.000	52.000	8.000						45.831	58.877	45,3		
	Dự án chuyển tiếp	118.000	50.000	20.000	40.000	8.000						45.831	58.877	49,9		
1	Xây dựng tuyến đường từ khu quy hoạch trung tâm hành chính xã Tân Tiến, huyện Đồng Phú kết nối với khu công nghiệp và dân cư Đồng Phú	50.000	50.000									4.041	17.087			
2	Xây dựng đường trục chính từ ĐT.741 vào khu công nghiệp và khu dân cư Đồng Phú	20.000			20.000							20.000	20.000			
3	Xây dựng đường giao thông từ ĐT.741 vào khu công nghiệp Nam Đồng Phú mở rộng	20.000		20.000								4.026	4.026			
4	Xây dựng đường từ TTHC huyện Đồng Phú đến khu quy hoạch công nghiệp - thương mại - dịch vụ Becamex Bình Phước	20.000			20.000							9.764	9.764			

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2023							Thực hiện giải ngân 5 tháng đầu năm 2023				Ghi chú
		Tổng số	NSTW	Chi XD/CB tập trung	Tiền sử dụng đất	Số vốn kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	Khối lượng	Giải ngân	Tỷ lệ			
											Trong đó:		
5	Xây dựng trường mầm non Tân Lập	8.000				8.000	-	8.000	8.000	-			
	<b>Dự án khởi công mới</b>	<b>12.000</b>	-	-	<b>12.000</b>	-	-	-	-	-	-	-	-
6	Nâng cấp mở rộng đường đường Phú Riêng Đò từ TTHC huyện đi Khu công nghiệp Bắc Đòng Phú, huyện Đòng Phú	12.000			12.000								
	<b>Huyện Hớn Quan</b>	<b>150.320</b>	<b>70.000</b>	<b>300</b>	<b>70.000</b>	<b>10.020</b>	<b>-</b>	<b>88.907</b>	<b>105.154</b>	<b>70,0</b>			
	<b>Dự án chuyển tiếp</b>	<b>140.000</b>	<b>70.000</b>	<b>-</b>	<b>60.000</b>	<b>10.000</b>	<b>-</b>	<b>88.907</b>	<b>105.154</b>	<b>75,1</b>			
1	Nâng cấp, mở rộng đường từ khu công nghiệp Việt Kiều kết nối với khu vực khu công nghiệp Minh Hưng Sikico huyện Hớn Quan	70.000	70.000					62.159	62.159				
2	Nâng cấp đường từ Ngã 3 Xa Cát vào Khu công nghiệp Việt Kiều, huyện Hớn Quan	20.000			20.000			19.867	19.867				
3	Xây dựng đường liên xã Phước An đi Tân Hưng và Tân Quan	10.000			10.000				-				
4	Xây dựng đường trục chính từ xã Tân Khai đi Phước An và Tân Quan huyện Hớn Quan	10.000			10.000				-				
5	Xây dựng các tuyến đường từ thị trấn Tân Khai kết nối với các tuyến đường đi xã Phước An, Đòng Nơ và Minh Đức, huyện Hớn Quan	20.000			20.000			3.069	19.316				
6	Xây dựng trường mầm non Đòng Nơ (phục vụ KCN Minh Hưng - Sikico)	10.000				10.000		3.812	3.812				
	<b>Dự án khởi công mới</b>	<b>10.000</b>			<b>10.000</b>			<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>			
7	Xây dựng đường từ xã Tân Hưng, huyện Hớn Quan đi xã Long Tân, huyện Phú Riêng	10.000			10.000								
	<b>Tất toán các công trình quyết toán</b>	<b>20</b>				<b>20</b>		<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>			
8	Nâng cấp đường liên xã từ Minh Tâm đi An Phú, huyện Hớn Quan, tỉnh Bình Phước.	20				20							
	<b>Chuẩn bị đầu tư giai đoạn 2021-2025</b>	<b>300</b>		<b>300</b>				<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>			
9	Nâng cấp, xây dựng đường và cầu Bù Dinh- Thanh Sơn xã Thanh An huyện Hớn Quan	300		300									
	<b>Thị xã Chơn Thành</b>	<b>136.820</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>136.820</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>22.221</b>	<b>22.221</b>	<b>16,2</b>			
	<b>Dự án chuyển tiếp</b>	<b>116.820</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>116.820</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>22.221</b>	<b>22.221</b>	<b>19,0</b>			
1	Hỗ trợ Xây dựng tuyến đường kết nối khu dân cư Đại Nam ra xã Minh Lập huyện Chơn Thành	25.000			25.000				-				
2	Xây dựng đường từ Trung tâm hành chính huyện Chơn thành đi xã Quang Minh kết nối KCN Becamex	35.000			35.000			5.767	5.767				

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2023						Thực hiện giải ngân 5 tháng đầu năm 2023				Ghi chú	
		Tổng số	Trong đó:					Khối lượng	Giải ngân	Tỷ lệ			
			NSTW	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương						
3	Xây dựng Đường Nguyễn Văn Linh nối dài (từ QL14 nối với quy hoạch dự án Becamex - Bình Phước)	25.000			25.000								
4	Xây dựng đường liên xã Nha Bích - Minh Thắng	31.820			31.820		16.454	16.454					
5	Dự án khởi công mới Xây dựng đường vành đai thị trấn Chơn Thành kết nối KCN Becamex	20.000			20.000		-	-					
		20.000			20.000		-	-					
VIII	Huyện Bù Đăng	110.560		5.560	59.000	46.000		53.499	56.678				
		95.000			59.000	36.000		53.377	56.556				
1	Nâng cấp, mở rộng đường từ QL. 14 đi xã Đak Nhau	12.000			12.000		11.244	11.244					
2	Xây dựng đường liên xã Đồng Nai đi xã Thọ Sơn, huyện Bù Đăng	5.000			5.000								
3	Xây dựng Đường từ QL14 xã Đức Liễu đi ĐT755 xã Thống Nhất	21.000			21.000		10.000	10.000					
4	Xây dựng đường liên xã Phước Sơn đi Đồng Nai, huyện Bù Đăng (kết nối đường Vườn Chuối - Bù Lạch)	21.000			21.000		7.000	7.000					
5	Xây dựng Khối hiệu bộ và nhà đa năng Trường THPT Lê Quý Đôn	6.000				6.000	6.000	6.000					
6	Xây dựng 10 phòng học và nhà đa năng THPT Lương Thế Vinh	5.000				5.000	569	569					
7	Xây dựng Trường Tiểu học Võ Thị Sáu, xã Đường 10, huyện Bù Đăng	20.000				20.000	13.564	16.743					
8	Trường mẫu giáo Hoa Phương xã Thọ Sơn, huyện Bù Đăng	5.000				5.000	5.000	5.000					
9	Dự án khởi công mới Xây dựng đường liên xã từ Bình Minh đi Minh Hưng (tuyến trong)	15.000			5.000	10.000	122	122				0,8	
10	Xây dựng Trường mẫu giáo Hoa Lan xã Đồng Nai, huyện Bù Đăng	5.000				5.000	122	122					
11	Dự án đầu tư giai đoạn 2021-2025 Xây dựng đường liên xã Đức Liễu - Nghĩa Bình - Nghĩa Trung (kết nối với đường Sao Bông - Đăng Hà)	560		560	-								
		560		560									
IX	Huyện Bù Gia Mập	95.839		200	95.000	639		63.289	63.289			66,0	
		85.000			85.000			61.770	61.770			72,7	
1	Dự án chuyển tiếp Xây dựng các tuyến đường khu trung tâm hành chính huyện Bù Gia Mập	15.000			15.000		9.735	9.735					
2	Nâng cấp, mở rộng đường DH từ xã Đa Kìa qua xã Bình Thắng, huyện Bù Gia Mập đi xã Long Bình, huyện Phú Riềng	10.000			10.000		8.414	8.414					

## Kế hoạch vốn năm 2023

Thực hiện giải ngân 5 tháng đầu năm 2023

STT	Tên dự án	Trong đó:						Khối lượng	Giải ngân	Tỷ lệ	Ghi chú
		Tổng số	NSTW	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương				
3	Nâng cấp, mở rộng đường DT.760 từ ngã tư DT.741 đến cầu Đăk O (Tuyên 1) và đường liên xã Đức Hạnh - Phú Văn từ DT.741 đến ngã tư Quốc Tế, xã Phú Văn (Tuyên 2)	40.000			40.000			40.000	40.000		
4	Nâng cấp mở rộng đường từ cầu Bắc qua Sông Bé (kết nối TX Phước Long và huyện Bù Gia Mập đến QL 14c)	10.000			10.000		649	649			
5	Xây dựng Trung tâm văn hóa thể dục thể thao huyện Bù Gia Mập	10.000			10.000		2.972	2.972			
	<b>Dự án khởi công mới</b>	<b>10.000</b>			<b>10.000</b>		<b>881</b>	<b>881</b>	<b>8,8</b>		
6	Xây dựng đập lam hồ nước cung cấp cho TTHC huyện và đường đầu nối tuyến đường DT 760 chạy qua TTHC huyện Bù Gia Mập	10.000			10.000		881	881			
	<b>Tất toán các công trình quyết toán</b>	<b>639</b>				<b>639</b>	<b>638</b>	<b>638</b>	<b>99,8</b>		
7	Đường từ DT 741 đi đôi 6 Bù Gia Phước, xã Phú Nghĩa, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.	639				639	638	638			
	<b>Chuẩn bị đầu tư giai đoạn 2021-2025</b>	<b>200</b>		<b>200</b>			<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>		
8	Nâng cấp, mở rộng đường DT 760 từ cầu Đăk O, xã Phú Văn đi xã đường 10, huyện Bù Đăng	200		200							
	<b>Huyện Bù Đốp</b>	<b>85.530</b>		<b>530</b>	<b>65.000</b>	<b>20.000</b>	<b>46.564</b>	<b>46.564</b>	<b>54,4</b>		
	<b>Dự án chuyển tiếp</b>	<b>85.000</b>		<b>-</b>	<b>65.000</b>	<b>20.000</b>	<b>46.564</b>	<b>46.564</b>	<b>54,8</b>		
1	Nâng cấp, mở rộng đường từ DT.759B đi trung tâm thương mại huyện Bù Đốp	15.000			15.000		14.354	14.354			
2	Xây dựng đường tránh trung tâm hành chính huyện Bù Đốp	20.000			20.000		20.000	20.000			
3	Nâng cấp, mở rộng đường từ DT.759B đoạn từ đôn biên phòng 789 đi sông Măng qua cầu khốu Hoàng Diệu	15.000			15.000		1.580	1.580			
4	Xây dựng đường Hùng Vương nối dài	15.000			15.000		593	593			
5	Xây dựng trường mầm non Phước Thiện	10.000				10.000	2.537	2.537			
6	Xây dựng trường TH Thanh Bình B	10.000				10.000	7.500	7.500			
	<b>Chuẩn bị đầu tư giai đoạn 2021-2025</b>	<b>530</b>		<b>530</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>		
7	Xây dựng giao thông từ trung tâm xã Thanh Hòa đi cầu Bình Thăng kết nối với huyện Bù Gia Mập	260		260							
8	Nâng cấp đường DT.759B đoạn từ Chợ Tân Thành đi Cửa khẩu Cầu Tráng - Giai đoạn 2	270		270							
	<b>Huyện Lộc Ninh</b>	<b>115.000</b>		<b>50.000</b>	<b>56.000</b>	<b>9.000</b>	<b>49.972</b>	<b>49.972</b>	<b>43,5</b>		
	<b>Dự án chuyển tiếp</b>	<b>105.000</b>		<b>50.000</b>	<b>46.000</b>	<b>9.000</b>	<b>49.972</b>	<b>49.972</b>	<b>47,6</b>		
1	Xây dựng đường và kè suối Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh (đoạn từ cầu Ché Biến đi cầu Dò xã Lộc Diên)	50.000					3.722	3.722			
2	Xây dựng đường liên xã Lộc Diên - Lộc Khánh kết nối QL13	12.000			12.000		12.000	12.000			



STT	Tên dự án	Kế hoạch vốn năm 2023						Thực hiện giải ngân 5 tháng đầu năm 2023				Ghi chú
		Tổng số	Trong đó:					Khối lượng	Giải ngân	Tỷ lệ		
			NSTW	Chi XD/CB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xã số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bồi chi ngân sách địa phương					
3	Xây dựng đường liên xã Lộc Thái - Lộc Khánh kết nối QL13	13.000			13.000			9.537	9.537			
4	Xây dựng đường liên xã Lộc Thiện - Lộc Thành kết nối QL13	21.000			21.000			17.704	17.704			
5	Xây dựng Trường mẫu giáo xã Lộc Hưng	9.000				9.000		7.009	7.009			
	<b>Dự án khởi công mới</b>	<b>10.000</b>			<b>10.000</b>							
6	Xây dựng đường liên xã Lộc Hưng - Lộc Thành kết nối QL13	10.000			10.000							
	<b>Huyện Phú Riềng</b>	<b>125.518</b>			<b>125.000</b>	<b>518</b>		<b>88.654</b>	<b>88.654</b>			
	<b>Dự án chuyển tiếp</b>	<b>125.000</b>			<b>125.000</b>			<b>88.599</b>	<b>88.599</b>			
1	Xây dựng đường vào Khu công nghiệp Long Tân	5.000			5.000							
2	Xây dựng đường từ xã Phú Trung đi xã Phước Tân, kết nối DH 312 với đường DT 759	25.000			25.000			23.437	23.437			
3	Xây dựng đường liên huyện Phú Riềng (xã Long Bình) - Bù Gia Mập (xã Bình Thảng)	20.000			20.000							
4	Xây dựng kết nối đường liên huyện Phú Riềng - Cầu Long Tân - Tân Hưng (Hơn Quán)	25.000			25.000			17.066	17.066			
5	Nâng cấp mở rộng đường liên huyện Phú Riềng - Bù Đăng	50.000			50.000			48.096	48.096			
	<b>Tất toán các công trình quyết toán</b>	<b>518</b>				<b>518</b>		<b>55</b>	<b>55</b>		<b>10,6</b>	
6	Trường mầm non xã Bù Nho, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.	518				518		55	55			
	<b>Chi cục Kiểm Lâm</b>	<b>8.000</b>										
	<b>Dự án chuyển tiếp</b>	<b>8.000</b>										
1	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phát triển lâm nghiệp bền vững	8.000		8.000						1.688	21,1	
	<b>Sở Y tế</b>	<b>50.000</b>				<b>50.000</b>						
	<b>Dự án chuyển tiếp</b>	<b>50.000</b>				<b>50.000</b>						
1	Đầu tư trang thiết bị y tế khám chữa bệnh và phẫu thuật từ xa	50.000				50.000				1.688	21,1	
	<b>Đài PTTH và Bảo Bình Phước</b>	<b>50.046</b>				<b>50.046</b>						
	<b>Dự án chuyển tiếp</b>	<b>50.000</b>				<b>50.000</b>						
1	Hiện đại hóa hệ thống sản xuất chương trình phát thanh, truyền hình tỉnh Bình Phước	50.000				50.000		29.560	29.560		59,1	
	<b>Tất toán các công trình quyết toán</b>	<b>46</b>				<b>46</b>						
2	Xây dựng Trung tâm phát xạ BIV Đài phát thanh - truyền hình và Bảo Bình Phước.	46				46						
	<b>Sở Thông tin và Truyền thông</b>	<b>24.000</b>				<b>24.000</b>						
	<b>Dự án chuyển tiếp</b>	<b>24.000</b>				<b>24.000</b>						

STT	Tên dự án	Kế hoạch vốn năm 2023						Thực hiện giải ngân 5 tháng đầu năm 2023				Ghi chú
		Tổng số	NSTW	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Số vốn kiến thiết	Đầu tư từ nguồn vốn chi ngân sách địa phương	Khối lượng	Giải ngân	Tỷ lệ		
											Trong đó:	
1	Đầu tư hệ thống loa thông minh cho các xã, phường, thị trấn	24.000	-	-	-	24.000	-	18.243	18.243	-	-	
	<b>Dự án khởi công mới</b>	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
2	Đầu tư thiết bị, phần mềm, cơ sở dữ liệu phục vụ xây dựng Chính quyền số, địa phương thông minh tỉnh Bình Phước giai đoạn 2022-2025	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
<b>XVII</b>	<b>Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh</b>	<b>16.670</b>	<b>-</b>	<b>170</b>	<b>-</b>	<b>16.500</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	
	<b>Dự án chuyển tiếp</b>	<b>16.500</b>				<b>16.500</b>		<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	
1	Xây dựng trụ sở làm việc của Ban CHQS thị xã Phước Long	16.500				16.500		-	-	-	-	
	<b>Chuẩn bị đầu tư giai đoạn 2021-2025</b>	<b>170</b>		<b>170</b>	<b>-</b>	<b>-</b>		<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	
2	Xây dựng kho vũ khí đạn Bộ CHQS tỉnh Bình Phước (giai đoạn 2)	170		170		-		-	-	-	-	
<b>XVIII</b>	<b>Công an tỉnh</b>	<b>21.640</b>	<b>-</b>	<b>21.640</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>17.329</b>	<b>17.329</b>	<b>-</b>	<b>80,1</b>	
	<b>Dự án chuyển tiếp</b>	<b>21.500</b>		<b>21.500</b>	<b>-</b>	<b>-</b>		<b>17.329</b>	<b>17.329</b>	<b>-</b>	<b>80,6</b>	
1	Xây dựng Hội trường 400 chỗ Công An tỉnh	21.500		21.500		-		17.329	17.329	-	-	
	<b>Chuẩn bị đầu tư giai đoạn 2021-2025</b>	<b>140</b>		<b>140</b>	<b>-</b>	<b>-</b>		<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	
2	Xây dựng Trại tạm giam Công an tỉnh (giai đoạn 2)	140		140		-		-	-	-	-	
<b>XIX</b>	<b>Bộ chỉ huy bộ đội biên phòng tỉnh</b>	<b>50.000</b>	<b>50.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	
	<b>Dự án chuyển tiếp</b>	<b>50.000</b>	<b>50.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	
1	Xây dựng đường vào các đơn vị biên phòng: Đắc O huyện Bù Gia Mập; Phước Thiện huyện Bù Đốp; Lộc An huyện Lộc Ninh; Lộc Thiện huyện Lộc Ninh đi đường tuần tra biên giới	50.000	50.000	-	-	-	-	-	-	-	-	
<b>XX</b>	<b>Văn phòng Điều phối Xây dựng NTM</b>	<b>123.000</b>	<b>16.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>107.000</b>	<b>-</b>	<b>13.303</b>	<b>13.303</b>	<b>-</b>	<b>10,8</b>	
1	Thanh toán hợp đồng mua xi măng tập trung 2022	13.303				13.303		13.303	13.303			
2	Mua xi măng tập trung 2023	93.697				93.697		-	-			
3	Thực hiện 6 chương trình chuyển đổi phục vụ NTM	12.000	12.000									
4	Các nhiệm vụ khác	4.000	4.000									
<b>XXI</b>	<b>Sở Lao động, Thương binh và Xã hội</b>	<b>2.155</b>	<b>2.155</b>	<b>125</b>	<b>125</b>	<b>830</b>	<b>125</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	
<b>XXII</b>	<b>Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch</b>	<b>955</b>	<b>830</b>	<b>125</b>	<b>125</b>	<b>830</b>	<b>125</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	
	Chương trình MTQG phát triển kinh tế- xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.	955	830	125	125	830	125	-	-	-	-	
<b>XXIII</b>	<b>Ban Dân tộc</b>	<b>955</b>	<b>830</b>	<b>125</b>	<b>125</b>	<b>830</b>	<b>125</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	
	Chương trình MTQG phát triển kinh tế- xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.	955	830	125	125	830	125	-	-	-	-	

STT	Tên dự án	Kế hoạch vốn năm 2023					Thực hiện giải ngân 5 tháng đầu năm 2023			Ghi chú	
		Tổng số	NSTW	Chi XD/CB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	Khối lượng	Giải ngân		Tỷ lệ
D	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững (Đối ứng NSTW)	30.000		30.000						-	
E	Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	44.408	40.626	3.782						-	

**Phụ lục 2.1**

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ GIẢI NGÂN VỐN PHÂN CẤP CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ**

(Kèm theo Báo cáo số 181 /BC-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Kế hoạch vốn năm 2023	Thực hiện giải ngân 5 tháng đầu năm 2023	Tỷ lệ giải ngân (%)
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.352.348</b>	<b>439.609</b>	<b>18,7</b>
1	Thành phố Đồng Xoài	304.388	43.297	14,2
2	Thị xã Bình Long	177.817	8.750	4,9
3	Huyện Lộc Ninh	223.313	40.611	18,2
4	Thị xã Phước Long	40.808	11.805	28,9
5	Huyện Bù Đăng	251.804	63.970	25,4
6	Huyện Đồng Phú	182.625	29.850	16,3
7	Thị xã Chơn Thành	431.468	69.458	16,1
8	Huyện Bù Đốp	110.319	42.715	38,7
9	Huyện Hớn Quản	194.541	33.590	17,3
10	Huyện Bù Gia Mập	211.925	71.612	33,8
11	Huyện Phú Riềng	223.340	23.951	10,7

**BIỂU 3**  
**TỔNG HỢP KẾT QUẢ GIẢI NGÂN THEO CHỦ ĐẦU TƯ**  
*(Kèm theo Báo cáo số 181 /BC-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

ĐVT: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Kế hoạch vốn năm 2023	Thực hiện giải ngân 5 tháng đầu năm 2023	Tỷ lệ giải ngân (%)
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5.755.631</b>	<b>1.405.230</b>	<b>24,4</b>
<b>1</b>	<b>Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước</b>	<b>1.747.427</b>	<b>277.357</b>	<b>15,9</b>
<b>2</b>	<b>Thành phố Đồng Xoài</b>	<b>407.388</b>	<b>87.100</b>	<b>21,4</b>
	<i>Vốn phân cấp huyện, thị, thành phố</i>	<i>304.388</i>	<i>43.297</i>	<i>14,2</i>
	<i>Vốn thực hiện dự án</i>	<i>103.000</i>	<i>43.803</i>	<i>42,5</i>
<b>3</b>	<b>Thị xã Bình Long</b>	<b>268.397</b>	<b>45.943</b>	<b>17,1</b>
	<i>Vốn phân cấp huyện, thị, thành phố</i>	<i>177.817</i>	<i>8.750</i>	<i>4,9</i>
	<i>Vốn thực hiện dự án</i>	<i>90.580</i>	<i>37.193</i>	<i>41,1</i>
<b>4</b>	<b>Huyện Lộc Ninh</b>	<b>338.313</b>	<b>90.583</b>	<b>26,8</b>
	<i>Vốn phân cấp huyện, thị, thành phố</i>	<i>223.313</i>	<i>40.611</i>	<i>18,2</i>
	<i>Vốn thực hiện dự án</i>	<i>115.000</i>	<i>49.972</i>	<i>43,5</i>
<b>5</b>	<b>Thị xã Phước Long</b>	<b>115.308</b>	<b>42.743</b>	<b>37,1</b>
	<i>Vốn phân cấp huyện, thị, thành phố</i>	<i>40.808</i>	<i>11.805</i>	<i>28,9</i>
	<i>Vốn thực hiện dự án</i>	<i>74.500</i>	<i>30.938</i>	<i>41,5</i>
<b>6</b>	<b>Huyện Bù Đăng</b>	<b>362.364</b>	<b>120.648</b>	<b>33,3</b>
	<i>Vốn phân cấp huyện, thị, thành phố</i>	<i>251.804</i>	<i>63.970</i>	<i>25,4</i>
	<i>Vốn thực hiện dự án</i>	<i>110.560</i>	<i>56.678</i>	<i>51,3</i>
<b>7</b>	<b>Huyện Đồng Phú</b>	<b>312.625</b>	<b>88.727</b>	<b>28,4</b>
	<i>Vốn phân cấp huyện, thị, thành phố</i>	<i>182.625</i>	<i>29.850</i>	<i>16,3</i>
	<i>Vốn thực hiện dự án</i>	<i>130.000</i>	<i>58.877</i>	<i>45,3</i>
<b>8</b>	<b>Thị xã Chơn Thành</b>	<b>568.288</b>	<b>91.679</b>	<b>16,1</b>
	<i>Vốn phân cấp huyện, thị, thành phố</i>	<i>431.468</i>	<i>69.458</i>	<i>16,1</i>
	<i>Vốn thực hiện dự án</i>	<i>136.820</i>	<i>22.221</i>	<i>16,2</i>
<b>9</b>	<b>Huyện Bù Đốp</b>	<b>195.849</b>	<b>89.279</b>	<b>45,6</b>
	<i>Vốn phân cấp huyện, thị, thành phố</i>	<i>110.319</i>	<i>42.715</i>	<i>38,7</i>
	<i>Vốn thực hiện dự án</i>	<i>85.530</i>	<i>46.564</i>	<i>54,4</i>
<b>10</b>	<b>Huyện Hớn Quản</b>	<b>344.861</b>	<b>138.744</b>	<b>40,2</b>
	<i>Vốn phân cấp huyện, thị, thành phố</i>	<i>194.541</i>	<i>33.590</i>	<i>17,3</i>
	<i>Vốn thực hiện dự án</i>	<i>150.320</i>	<i>105.154</i>	<i>70,0</i>
<b>11</b>	<b>Huyện Bù Gia Mập</b>	<b>307.764</b>	<b>134.901</b>	<b>43,8</b>
	<i>Vốn phân cấp huyện, thị, thành phố</i>	<i>211.925</i>	<i>71.612</i>	<i>33,8</i>
	<i>Vốn thực hiện dự án</i>	<i>95.839</i>	<i>63.289</i>	<i>66,0</i>
<b>12</b>	<b>Huyện Phú Riềng</b>	<b>348.858</b>	<b>112.605</b>	<b>32,3</b>
	<i>Vốn phân cấp huyện, thị, thành phố</i>	<i>223.340</i>	<i>23.951</i>	<i>10,7</i>
	<i>Vốn thực hiện dự án</i>	<i>125.518</i>	<i>88.654</i>	<i>70,6</i>
<b>13</b>	<b>Các đơn vị khác</b>	<b>438.189</b>	<b>84.921</b>	<b>19,4</b>
13.1	Bộ chỉ huy quân sự tỉnh	16.670	-	-
13.2	Công an tỉnh	21.640	17.329	80,1
13.3	Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh	50.000	-	-
13.4	Văn phòng điều phối chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh	123.000	13.303	10,8
13.5	Sở Tài chính	16.360	4.798	29,3
13.6	Sở Y tế	50.000	-	0,0
13.7	Đài PTTH và Báo Bình Phước	50.046	29.560	59,1
13.8	Sở Thông tin và Truyền thông	24.000	18.243	76,0
13.9	Chi cục Kiểm lâm	8.000	1.688	21,1
13.10	Ban Dân tộc	75.363	-	-
13.11	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	955	-	-
13.12	Sở Lao động, Thương binh và xã hội	2.155	-	-

**BIỂU 4****TỔNG HỢP KẾT QUẢ GIẢI NGÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC***(Kèm theo Báo cáo số 181/BC-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)**ĐVT: Triệu đồng*

STT	Ngành lĩnh vực	Kế hoạch vốn năm 2023	Thực hiện giải ngân 5 tháng đầu năm 2023 (đến ngày 31/5/2023)	Tỷ lệ
<b>Tổng cộng</b>		<b>5.755.631</b>	<b>1.405.230</b>	<b>24,4</b>
1	Công nghiệp	124.629	66.880	53,7
2	Giao thông vận tải & Hạ tầng đô thị	3.513.382	881.214	25,1
3	Y tế	461.166	75.045	16,3
4	Giáo dục và Đào tạo	768.626	199.676	26,0
5	Văn hóa - Xã hội	187.075	88.257	47,2
6	Quốc phòng - An ninh	88.310	17.329	19,6
7	Nông nghiệp, thủy lợi	8.322	1.756	21,1
8	Chương trình MTQG Xây dựng NTM	349.080	53.753	15,4
9	Chương trình MTQG phát triển kinh tế- xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.	221.962	21.320	9,6
10	Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững	33.079	-	-

